

PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI Ở NƯỚC TA

ThS HỒ TRUNG THANH

Viện Nghiên cứu thương mại

Thương mại Việt Nam đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp đổi mới chung của cả nước. Xuất khẩu trong nhiều năm là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế. Mức tăng kim ngạch xuất khẩu luôn cao hơn mức tăng GDP từ 2-2,5 lần. Phát triển thương mại trong 20 năm qua đã góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) của đất nước. Những cải cách thương mại quan trọng như mở rộng quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu, cắt giảm thuế quan và phi thuế quan, khuyến khích xuất khẩu, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kí kết các hiệp định thương mại đa phương và song phương... đã làm cho kinh tế nước ta từng bước hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Đến nay, thị trường xuất khẩu đã được mở tới 220 nước và vùng lãnh thổ, thị trường nhập khẩu từ 70 nước và vùng lãnh thổ. Với tổng kim ngạch thương mại trên GDP năm 2004 đạt tới 127%, Việt Nam là một trong số các quốc gia đang phát triển có độ mở thương mại cao nhất thế giới.

Phát triển thương mại những năm qua có những tác động đối với môi trường sinh thái. Tác động này mang tính hai mặt, tích cực và tiêu cực. Bài viết này sẽ tập trung đi sâu phân tích những tác động của thương mại đối với các vấn đề môi trường nước ta trong thời kì đổi mới, tìm ra những nguyên nhân của những bất cập hiện nay, chỉ ra những áp lực môi trường trong phát triển thương mại giai đoạn tới, đồng thời kiến nghị một số biện pháp nhằm phát triển thương mại bền vững.

1. Những tác động tích cực.

- Nhờ HNKTQT, mở cửa thương mại,

chúng ta có điều kiện thu nhận thông tin, kiến thức về bảo vệ môi trường sinh thái, nhận thức được mối liên hệ và tác động qua lại giữa thương mại quốc tế và môi trường, học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong việc xử lý hài hoà giữa lợi ích kinh tế của thương mại quốc tế và bảo vệ môi trường phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

- Việc cam kết, thực hiện các hiệp định quốc tế về môi trường và thương mại, những yêu cầu của các tổ chức thương mại và môi trường về những sản phẩm thân thiện với môi trường là áp lực để các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, phương thức tổ chức kinh doanh. Điều này, một mặt, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam, mặt khác, giảm bớt nguy cơ ô nhiễm môi trường trong nước.

- Tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong nhiều năm qua đã nâng cao điều kiện sống của nhân dân, do đó, nâng cao ý thức của người tiêu dùng về môi trường. Nhu cầu về sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường ngày càng cao, là sức ép để doanh nghiệp chú trọng hơn đến hoạt động bảo vệ môi trường. Đây là những thay đổi hết sức tích cực để phát triển kinh tế bền vững.

- Hiệu quả kinh tế cao của một số mặt hàng nông sản, thủy sản làm cho người sản xuất quan tâm hơn đến việc duy trì và phát triển chúng. Việc mở rộng diện tích canh tác trên những vùng đất trống như trồng rừng, cây ăn quả... góp phần phủ xanh đất đồi, khôi phục hệ sinh thái rừng, phòng chống thiên tai. Khai thác gắn liền với bảo tồn các loài cây có giá trị kinh tế cao phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu

làm thay đổi nhận thức của người dân trong việc bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học; duy trì và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học, đảm bảo cân bằng sinh thái.

- Nâng cao nhận thức của người tiêu dùng và nhà sản xuất đối với các vấn đề môi trường như hạn chế sử dụng nguyên liệu từ nguồn tài nguyên không tái tạo, sử dụng các loại hàng hoá thay thế, tạo áp lực đối với các hành vi vi phạm... Thói quen tiêu dùng của dân cư đã có nhiều thay đổi theo hướng thân thiện với môi trường.

- Tăng cường thương mại tạo thêm kinh phí để cải thiện môi trường, thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, phân chia lợi ích công bằng hơn trong việc khai thác các nguồn lợi từ đa dạng sinh học.

2. Tác động tiêu cực.

Phát triển xuất khẩu trong điều kiện tự do hoá thương mại đang có những tác động tiêu cực đối với môi trường, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, mất cân bằng sinh thái, ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh xuất khẩu nhóm sản phẩm nông - thủy sản làm thoái hoá đất do sử dụng không hợp lý và quá mức các chất hoá học, phá vỡ hệ sinh thái ven biển do mở rộng diện tích canh tác. Chỉ trong hơn hai thập kỉ qua, diện tích rừng ngập mặn Việt Nam giảm đi hơn một nửa, trung bình mỗi năm mất đi gần 20.000 ha rừng được, hơn 80% rừng che phủ đã bị ảnh hưởng. Các đầm nuôi tôm là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng phá huỷ này. Nuôi tôm trên cát làm ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước ngầm. Ngoài ra, hoạt động khai thác hải sản không hợp lý gồm khai thác quá mức, thực hành các biện pháp đánh bắt huỷ diệt như dùng chất nổ, chất độc, giã cào là một trong những nguyên nhân chính làm mất đi các hệ sinh thái đặc trưng riêng như cỏ biển, san hô. Hiện nay, diện tích các bãi cỏ biển của Việt Nam bị giảm 40-50%. Khoảng 80% rạn san hô biển nước ta nằm trong tình trạng rui ro; trong đó, có đến 50% rạn nằm trong tình trạng rui ro cao.

Nhập khẩu các thiết bị cũ, công nghệ lạc hậu, hàng hoá, vật tư không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh và môi trường, di nhập các loài sinh vật lạ, sản phẩm biến đổi gen tạo nên những nguy cơ đối với môi trường.

Nhập khẩu hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm không đúng tiêu chuẩn đã gây ảnh hưởng lớn đến môi trường và sức khoẻ con người. Đó là tình trạng ngộ độc thức ăn và hoá chất, ô nhiễm nguồn nước, đất, lưu tồn một số lượng lớn hoá chất chưa có phương án để xử lý. Trung bình hàng năm, cả nước sản xuất và nhập khẩu một lượng thuốc bảo vệ thực vật khoảng 36.000-40.000 tấn, ước tính khoảng 30-35% được nhập khẩu trái phép qua đường tiểu ngạch. Trong số những loại thuốc bảo vệ thực vật được nhập vào Việt Nam, có nhiều loại bị cấm. Số lượng thực vật lạ, khoảng 83 loài thuộc 31 họ được nhập khẩu với các mục đích khác nhau như nuôi trồng thủy sản, làm cảnh, cải tạo giống...; trong đó, có nhiều loài gây ra tình trạng biến đổi gen, ảnh hưởng đến cân bằng sinh thái. Di nhập một số sinh vật lạ như ốc bươu vàng, hải ly, cá cảnh làm ảnh hưởng đến đời sống của một số loài sinh vật khác.

Việc nhập khẩu thiết bị máy móc thể hệ cũ làm gia tăng hiện tượng phát thải, rác thải. Hiện nay, 70% kim ngạch nhập khẩu máy móc thiết bị từ các nước có công nghệ trung gian. Đặc biệt, tình trạng đáng lo ngại là gia tăng việc nhập khẩu hàng điện tử đã qua sử dụng và máy tính cũ, với số lượng rất lớn, chưa thống kê nổi. Đồng thời, do việc quản lý không chặt chẽ, công tác thẩm định chưa nghiêm túc nên các doanh nghiệp sản xuất đã lợi dụng những khe hở nhập nguyên liệu phế thải làm nguyên liệu sản xuất nhưng trên thực tế lại là các chất thải độc hại (tình trạng nhập khẩu thép phế liệu năm 2001, phế liệu nhựa năm 2004).

Trong 10 năm trở lại đây, buôn bán động, thực vật hoang dã đã thực sự bùng phát, trở thành một trong những vấn đề môi trường cấp bách ở nước ta. Theo ước tính của Cục Kiểm lâm, hàng năm có từ

450-1.500 tấn và hàng chục vạn cá thể động vật hoang dã bị buôn bán bất hợp pháp, 40-50% tiêu thụ trong nước và phần còn lại được chuyển sang tiêu thụ tại Trung Quốc và các nước khác trong khu vực.

Lưu thông những loại hàng hoá, vật tư như xăng dầu, thuốc nổ, hoá chất, phân bón, thuốc trừ sâu không tuân thủ các quy định về môi trường và an toàn cũng đang là một mối nguy hại đối với môi trường sinh thái và sức khoẻ cộng đồng. Tình trạng này làm thoái hoá đất, ô nhiễm nguồn nước, không khí, cảnh quan đô thị, ảnh hưởng sức khoẻ người lao động, đặc biệt là nông dân. Hiện nay, công tác quản lý hoạt động này còn nhiều bất cập như công tác quản lý chưa chặt chẽ, xử lý vi phạm chưa triệt để, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng còn lỏng lẻo, cán bộ thực thi nhiệm vụ còn yếu về chuyên môn, thiếu phương tiện và kinh phí hoạt động...

Hoạt động thương mại - dịch vụ cũng có nhiều tác động đến môi trường như kinh doanh các ngành hàng xăng dầu, hệ thống chợ, các cơ sở giết mổ gia súc... Quy hoạch hệ thống bán lẻ xăng dầu còn chưa thật hợp lý như gần khu dân cư, các điểm nút giao thông, nhiều cửa hàng do tư nhân quản lý chưa tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về vệ sinh và an toàn, nhiều kho chứa xăng dầu chậm được nâng cấp. Việc quy hoạch phát triển hệ thống chợ ở đô thị và nông thôn chưa tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường và cảnh quan đô thị. Ti lệ chợ tạm, chợ cóc vẫn còn nhiều ở thành phố, rác thải chưa được thu gom và xử lý triệt để, hệ thống xử lý nước thải còn thiếu hoặc chưa đúng quy định... Các cơ sở giết mổ ở phần lớn các đô thị còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch và chưa có khu giết mổ tập trung.

Còn có thể kể ra nhiều hoạt động thương mại khác tiềm ẩn nguy cơ suy thoái môi trường, đe dọa tính mạng và sức khoẻ con người như buôn lậu, lưu thông hàng giả, hàng kém chất lượng. Mặc dù hoạt động thương mại nước ta trong những năm qua đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội cấp

bách, tuy nhiên, cũng cần nghiêm túc nhìn lại những hậu quả và mối nguy hại của các hoạt động thương mại đối với môi trường. Những thiệt hại về kinh tế và xã hội có sự tham gia của hoạt động này là đáng kể. Chẳng hạn, thiệt hại do việc không thể thu lợi được từ diện tích rừng ngập mặn bị mất, hậu quả do thiên tai liên quan đến nuôi trồng thủy sản ở nước ta hàng năm ước tính khoảng 500 triệu USD.

3. Một số nguyên nhân chủ yếu.

Một là, nhận thức về môi trường và phát triển bền vững của doanh nghiệp và các nhà quản lý còn hạn chế. Hầu hết, các doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, cục bộ mà chưa quan tâm đến môi trường phát triển bền vững. Các nhà hoạch định chính sách kinh tế quan tâm nhiều đến hiệu quả kinh tế mà chưa chú trọng đến các vấn đề môi trường. Chẳng hạn, trong chiến lược phát triển xuất khẩu, chúng ta chưa chú ý đến khía cạnh môi trường của việc phát triển xuất khẩu các mặt hàng nhạy cảm như nông sản, khoáng sản, thủy sản. Chúng ta mới tập trung vào việc thực hiện cho được chỉ tiêu kế hoạch như kim ngạch, số lượng mà chưa thực sự quan tâm đến những hạn chế về mặt môi trường của sự tăng trưởng. Các chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường chưa được tiến hành rộng khắp, chưa phát huy được vai trò của các đoàn thể, các tổ chức chính trị và xã hội, cũng như các phong trào quần chúng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Các kiến thức phổ cập về môi trường chưa được đưa vào hệ thống giáo dục ở các cấp học, bậc học. Các thông tin về môi trường, về chính sách, pháp luật chưa được cung cấp và phổ biến thường xuyên đến cộng đồng.

Hai là, năng lực QLNN về bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, du lịch và tự do hoá thương mại. Hệ thống tổ chức quản lý hiện nay còn nhiều bất cập về nhân lực, vật lực, trang bị kỹ thuật, cơ chế phối hợp có hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương; đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường còn quá ít và thiếu tập

trung.

Ba là, hệ thống pháp luật về thương mại và môi trường còn chưa đồng bộ, thiếu tính hệ thống. Chẳng hạn, danh mục các mặt hàng cấm, hạn chế xuất nhập khẩu chậm được rà soát cập nhật và thay đổi. Một số quy định thiếu tính nhất quán như cấm vận chuyển và buôn bán động thực vật quý hiếm nhưng vẫn cho tồn tại các nhà hàng đặc sản. Việc thực hiện pháp luật chưa nghiêm cùng với năng lực quản lý và giám sát thực hiện luật hạn chế đã dẫn đến một số hiện tượng ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường nước ta như buôn lậu động vật và tài nguyên quý hiếm, chặt phá rừng bừa bãi, v.v. Các quy định về môi trường đảm bảo hoạt động thương mại hiệu quả như quy định về quy trình sản xuất và chế biến, nhân sinh thái, bao bì đóng gói còn thiếu.

Bốn là, sự phối hợp giữa các cơ quan kinh tế và cơ quan môi trường còn lỏng lẻo. Mỗi lĩnh vực chỉ chú trọng đến việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình mà chưa có sự phối hợp cần thiết để giải quyết các vấn đề môi trường cũng như tạo sự thuận lợi cho tự do thương mại. Chẳng hạn trong việc quản lý hàng hoá xuất, nhập khẩu cần có sự phối hợp của nhiều bộ, ngành và địa phương như thương mại, hải quan, môi trường, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, khoa học công nghệ... Các quy định pháp luật đều quy định sự phối hợp này nhưng trên thực tế lại không như vậy. Tình trạng này dẫn đến việc xử lý các vi phạm về thương mại và môi trường không triệt để. Ví dụ, Bộ Thương mại và Hải quan gặp nhiều khó khăn khi xử lý các vụ buôn bán và nhập khẩu trái phép hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy định về môi trường vệ sinh vì không có phương tiện và kinh phí để xử lý, tiêu huỷ.

Năm là, gia tăng dân số và di dân tự do tiếp tục gây sức ép lên môi trường. Theo thống kê, khoảng 70% dân số sống phụ thuộc trực tiếp vào nguồn tài nguyên trong khi nguồn tài nguyên có xu thế suy giảm, vấn đề nghèo đói ở các vùng sâu, vùng xa chưa được giải quyết triệt để. Việc gia tăng khoảng cách về thu nhập giữa các vùng trong điều kiện phát triển kinh tế thị

trường, đặc biệt là thu nhập thấp của đồng bào các dân tộc thiểu số, nơi lưu giữ phần lớn các tài nguyên đa dạng sinh học sẽ hạn chế việc bảo tồn chúng.

4. Những thách thức môi trường trong phát triển thương mại nước ta trong những năm tới.

Thứ nhất, nguy cơ gia tăng ô nhiễm môi trường từ bên ngoài hay ô nhiễm môi trường xuyên quốc gia từ quá trình tự do hoá thương mại, HNKTQT. Trong những năm tới, Việt Nam sẽ đẩy mạnh hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Trong bối cảnh như vậy, việc kiểm soát ô nhiễm từ bên ngoài là hết sức quan trọng. Nhập khẩu hàng hoá vật tư, thiết bị công nghệ lạc hậu, tiêu thụ những hàng hoá kém chất lượng làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của người tiêu dùng, dẫn đến sự suy thoái môi trường, phá vỡ cân bằng hệ sinh thái. Vấn đề đặt ra đối với Việt Nam là làm thế nào để *ngăn ngừa và quản lý tốt việc nhập khẩu những sản phẩm, hàng hoá có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong quá trình Việt Nam mở cửa thị trường cũng như nội lỏng các quy chế quản lý xuất nhập khẩu.*

Thứ hai, việc mở rộng thương mại quốc tế của Việt Nam hiện nay có nguy cơ làm tăng suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Trong nhiều thập kỷ tới, đẩy mạnh xuất khẩu tiếp tục là định hướng chiến lược lâu dài. Với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu 15-16%/năm thời kỳ 2001-2010, chúng ta phải khai thác nhiều nguồn tài nguyên không tái tạo. Do vậy, nếu không chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu xuất khẩu theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến và thâm dụng lao động sẽ dẫn đến việc khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên. Điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến phát triển thương mại bền vững trong tương lai. Vấn đề đặt ra là phải *có chính sách thương mại để đảm bảo tăng trưởng xuất khẩu và hạn chế khai thác tài nguyên thiên nhiên.*

Thứ ba, gia tăng việc áp dụng các quy định môi trường trong thương mại quốc tế sẽ là những cản trở lớn đối với nước ta, một nước đang có lợi thế về xuất khẩu các mặt

hàng nhạy cảm về môi trường như nông sản, thủy sản. Những hạn chế về thông tin, trình độ công nghệ, kinh nghiệm giải quyết tranh chấp về môi trường, nhận thức của doanh nghiệp đang là những thách thức đối với doanh nghiệp nước ta trong việc đáp ứng các yêu cầu về môi trường của các nước nhập khẩu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần có những chính sách thương mại để đối phó và vượt qua những rào cản môi trường để bảo vệ và nâng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu.

Theo tính toán của các chuyên gia nước ngoài, nếu GDP tăng gấp đôi thì có nguy cơ chất thải tăng gấp 3 đến 5 lần. Từ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế có thể thấy nếu trình độ công nghệ sản xuất, cơ cấu sản xuất và trình độ quản lý sản xuất, quản lý môi trường không được cải tiến thì sự tăng trưởng là do tăng hoạt động khai thác, tiêu thụ tài nguyên năng lượng, dẫn đến cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, tạo ra sự gia tăng các loại chất thải gây sức ép lên môi trường.

5. Một số định hướng và giải pháp.

- Đảm bảo phát triển bền vững ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam, tạo điều kiện vững chắc cho việc mở rộng thương mại. Trước hết là khai thác một cách hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên về xuất khẩu; nâng cao hàm lượng chế biến, hạn chế xuất khẩu thô để có giá trị gia tăng cao, hạn chế khai thác tài nguyên; đẩy mạnh phát triển xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến sử dụng nhiều lao động và từng bước phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều vốn và công nghệ; đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ.

- Tăng cường hiệu lực công tác quản lý hoạt động xuất nhập khẩu. Trước hết, cần rà soát lại những quy định xuất khẩu liên quan đến môi trường để có những giải pháp cấm, hạn chế nhập khẩu những hàng hoá nguy hại đối với môi trường và sức khoẻ. Nâng cao khả năng phối hợp giữa các ngành hữu quan như thương mại, môi trường, hải quan, y tế, công an, khoa học và công nghệ, các bộ ngành khác để xử lý triệt để các vi phạm nhất là trường hợp buôn lậu, nhập khẩu trái phép vật tư, hàng

hoá nguy hại. Xây dựng hệ thống quy định và tiêu chuẩn môi trường để ngăn ngừa ô nhiễm qua biên giới. Nâng cao năng lực chuyên môn của những người quản lý nhập khẩu cũng như đầu tư thiết bị chuyên dùng để xử lý các trường hợp vi phạm.

- Nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường đối với sản phẩm góp phần nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam. Trước hết là xây dựng hệ thống quy định về sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn môi trường quốc tế về quy trình chế biến, nhân sinh thái, bao bì đóng gói, vệ sinh an toàn thực phẩm... Đầu tư đổi mới công nghệ, đặc biệt đối với thực phẩm chế biến để nâng cao chất lượng hàng hoá. Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình nuôi trồng thủy sản, rau quả để đảm bảo vệ sinh và an toàn sức khoẻ. Nâng cao năng lực đàm phán và xử lý tranh chấp về các vấn đề môi trường trong thương mại quốc tế.

- Quản lý chặt chẽ việc lưu thông hàng hoá và các dịch vụ thương mại. Trước hết là quản lý tốt việc lưu thông, buôn bán hoá chất, xăng dầu, thực phẩm, động thực vật quý hiếm. Chống buôn lậu, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng. Rà soát lại quy hoạch hệ thống bán lẻ xăng dầu và hệ thống chợ, cơ sở giết mổ để có phương án di dời hợp lý đảm bảo vệ sinh, an toàn và cảnh quan đô thị.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý thương mại và quản lý môi trường, nâng cao khả năng thực thi pháp luật.

- Giáo dục ý thức về môi trường trong cộng đồng và tăng cường công tác thông tin

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Thương mại: Báo cáo tình hình hoạt động thương mại hàng năm 1996-2004.
2. Cục bảo vệ môi trường: Báo cáo hiện trạng môi trường các năm 1997-2003.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường: Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường (1999-2003), H. 2004.